TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 133/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 17/8/2023
Về việc: "*Xin ly hôn và nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Cao Quốc Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đinh Thị Phương Lan**

Bà **Nguyễn Thị Hồng Ánh**

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Không.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2023/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc: "*Xin ly hôn và nuôi con*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2023/QĐST - HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thị N**, sinh năm 1991 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 1, ấp V, xã T, huyện H, tỉnh K.

Bị đơn: Anh **Danh T**, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 1, ấp V, xã T, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Thị N trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị Thị N và anh Danh T chung sống từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/6/2009. Thời gian đầu tình cảm giữa vợ chồng rất vui vẻ và hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cự cãi, không có tiếng nói chung, anh T thường xuyên ghen tuông vô cớ. Hiện nay chị Thị N và anh Danh T đã sống ly thân với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được. Do đó, chị Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất giải quyết được ly hôn với anh Danh T.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Danh Thị Ngọc Á, sinh ngày 08/4/2010 và Danh Minh H, sinh ngày 20/5/2012. Chị Thị N yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Danh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Thị N và anh Danh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Thị N và anh Danh T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Ý kiến của bị đơn anh Danh T:* Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh Danh T vẫn vắng mặt. Do đó, không có lời khai của anh Danh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về thẩm quyền: Theo nội dung đơn xin ly hôn của chị Thị N thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp V, xã T, huyện H nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Danh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai những vẫn vắng mặt không có lý do. Do

đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án*:*

[3.1] Về hôn nhân: Chị Thị N và anh Danh T là vợ chồng hợp pháp do đã được UBND xã T, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/6/2009. Quá trình chung sống giữa chị Thị N và anh Danh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau. Nay chị Thị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với anh Danh T.

Xét yêu cầu của chị Thị N Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình cảm vợ chồng giữa chị Thị N và anh Danh T không còn khả năng đoàn tụ vì theo chị Thị N trình bày thì giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi; hiện nay chị Thị N và anh Danh T đang sống ly thân với nhau, trong quá trình sống ly thân anh chị không có hỏi thăm quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Thị N và anh Danh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Thị N được ly hôn với anh Danh T là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Có 02 người con chung tên Danh Thị Ngọc Á, sinh ngày 08/4/2010 và Danh Minh H, sinh ngày 20/5/2012. Chị Thị N yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành.

Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi dưỡng thì phải xem xét toàn diện mọi mặt về vật chất cũng như tinh thần đối với sự phát triển của con chung sau này. Hiện nay cháu Danh Thị Ngọc Á và cháu Danh Minh H đang do chị Thị N nuôi dưỡng từ khi chị Thị N và anh Danh T sống ly thân cho đến nay. Đồng thời tại bản tự khai ngày 11/4/2023 cháu Á và cháu H đều có nguyện vọng được sống với mẹ (chị Thị N) khi cha mẹ ly hôn. Do đó, việc giao cho chị Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung là hoàn toàn phù hợp. Hội đồng xét xử giao cháu Danh Thị Ngọc Á, sinh ngày 08/4/2010 và Danh Minh H, sinh ngày 20/5/2012 cho chị Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Thị N không yêu cầu nên nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.5] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** <u>Tuyên Xử</u>:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị N về việc xin ly hôn với anh Danh T.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị N ly hôn với anh Danh T.

2/. Về con chung: Giao hai người con chung tên Danh Thị Ngọc Á, sinh ngày 08/4/2010 và Danh Minh H, sinh ngày 20/5/2012 cho chị Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu nên nên Hội đồng xét xử không xét.

Anh Danh T có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không xét.

4/. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không xét.

5/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004251 ngày 26/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị Thị N không phải nộp thêm.

6/. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS nhân dân huyện Hòn Đất;*
- *UBND xã Thổ Sơn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Quốc Chiến